

| | | | |
|---------------------------|------------------|-------------|--------------|
| Ngày 31/03/2024 | 3,540 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -5.3% | 4.1% | -1.1% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2023 | |
| ROE | 11.1% |
| | +/- YoY ▲ 6.9% |

| | |
|-----------------|--|
| Q1/24 | |
| DT thuần | 118 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 77.0 ▼ 39.2% |
| | YoY ▲ 5.00 ▲ 4.8% |

| | |
|-----------------|--|
| 2023 | |
| DT thuần | 576 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 91.0 ▲ 18.9% |

| | |
|---------------|--|
| Q1/24 | |
| LN gộp | 29.6 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 23.9 ▼ 44.7% |
| | YoY ▲ 5.80 ▲ 24.2% |

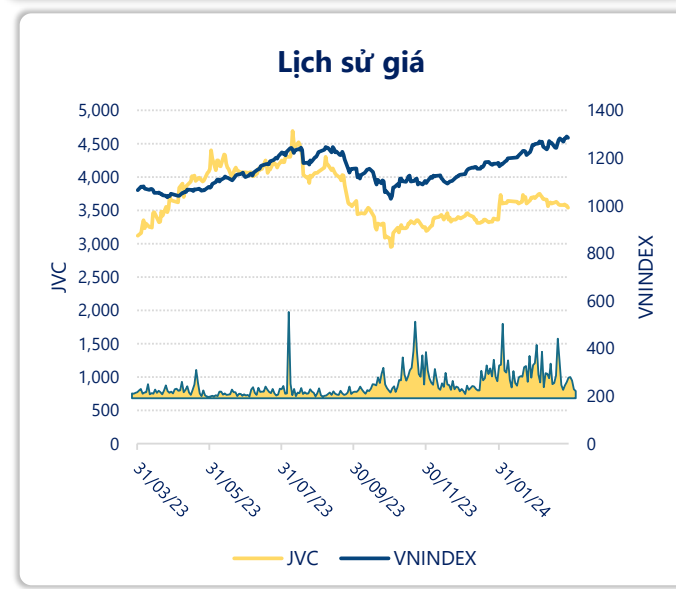
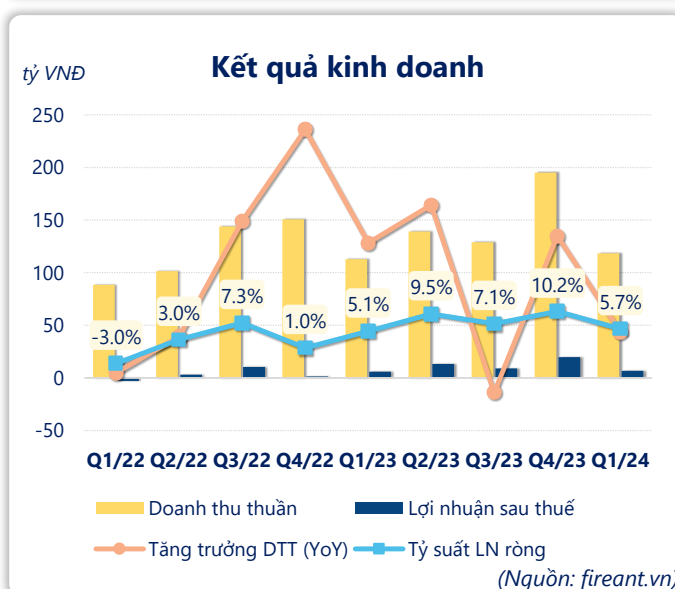
| | |
|---------------|--|
| 2023 | |
| LN gộp | 139 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 36.0 ▲ 35.4% |

| | |
|-----------------|--|
| Q1/24 | |
| LN thuần | 5.85 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 12.0 ▼ 67.1% |
| | YoY ▲ 0.85 ▲ 17.1% |

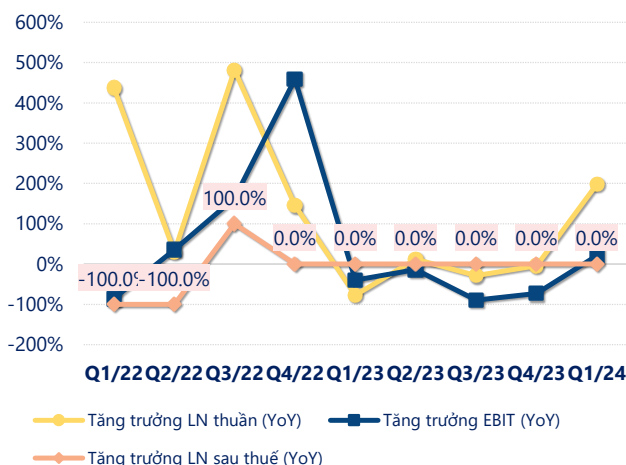
| | |
|-----------------|---------------------------------------|
| 2023 | |
| LN thuần | 45.2 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 38.3 ▲ 559% |

| | |
|--------------------|--|
| Q1/24 | |
| LN sau thuế | 6.81 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▼ 13.1 ▼ 65.8% |
| | YoY ▲ 1.02 ▲ 17.6% |

| | |
|--------------------|---------------------------------------|
| 2023 | |
| LN sau thuế | 52.6 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 33.6 ▲ 176% |

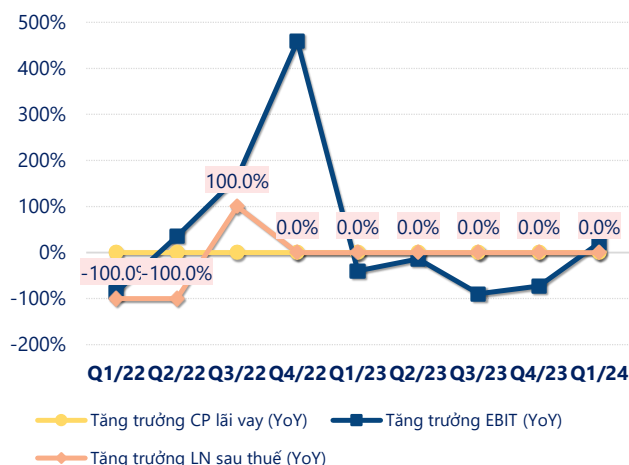


Tăng trưởng lợi nhuận



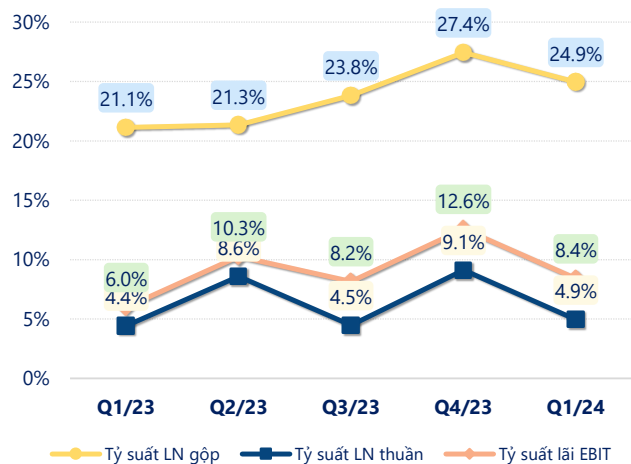
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



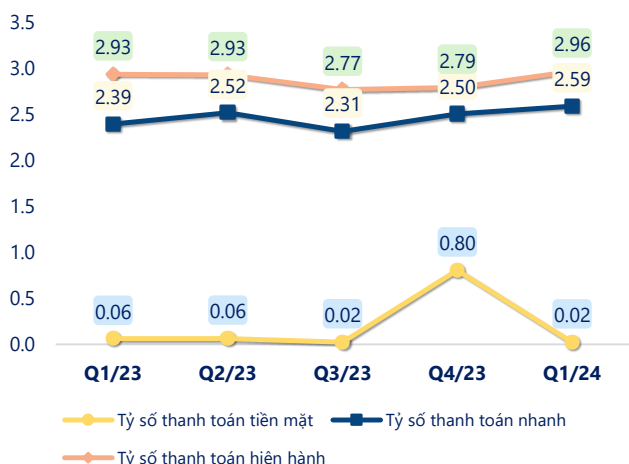
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



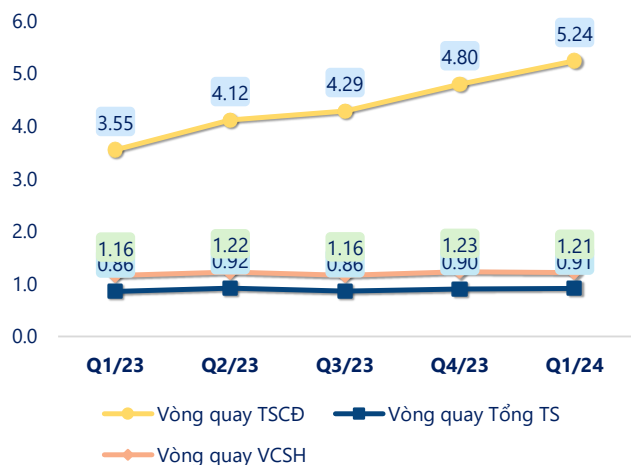
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



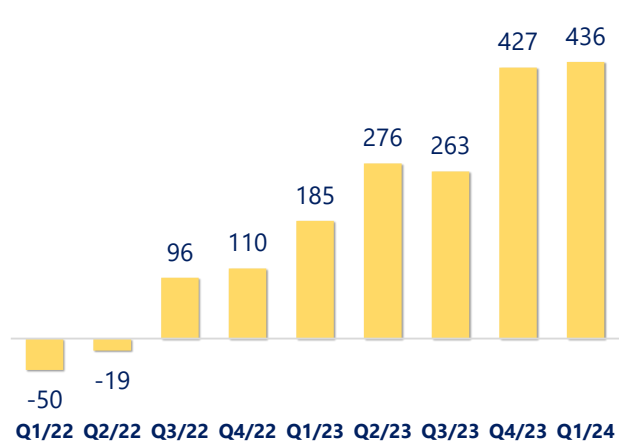
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/24 | Q1/23 | Thay đổi YoY | 2023 | 2022 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 118 | 113 | 4.8% | 576 | 485 | 18.9% |
| Giá vốn hàng bán | 88.9 | 89.0 | -0.1% | 437 | 382 | 14.5% |
| Lợi nhuận gộp | 29.6 | 23.8 | 24.2% | 139 | 103 | 35.4% |
| Doanh thu HĐTC | 5.52 | 10.0 | -44.8% | 24.1 | 15.9 | 52.0% |
| Chi phí TC | 1.47 | 0.97 | 51.1% | 6.29 | 5.63 | 11.7% |
| Chi phí lãi vay | 1.45 | 0.97 | 49.1% | 5.29 | 3.38 | 56.6% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 18.1 | 17.1 | 6.1% | 69.9 | 60.5 | 15.7% |
| Chi phí QLDN | 9.62 | 10.8 | -10.9% | 41.6 | 45.5 | -8.5% |
| LN thuần từ HĐKD | 5.85 | 5.00 | 17.1% | 45.2 | 6.86 | 559% |
| Lợi nhuận khác | 2.67 | 0.80 | 233% | 10.8 | 12.6 | -14.4% |
| LN trước thuế | 8.52 | 5.79 | 47.1% | 55.9 | 19.4 | 188% |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.81 | 5.79 | 17.6% | 52.6 | 19.0 | 176% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 6.81 | 5.79 | 17.6% | 52.6 | 19.1 | 176% |

(Nguồn: fireant.vn)

